

THÔNG TƯ
Quy định biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện
trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp về hình sự số 103/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Viện kiểm sát.
- Cơ quan điều tra.
- Tòa án.
- Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự.
- Người có thẩm quyền thuộc các cơ quan quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng và quản lý biểu mẫu văn bản nghiệp vụ thực hiện trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

1. Các biểu mẫu phải được sử dụng và quản lý đúng mục đích cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

2. Việc ghi thông tin trong từng biểu mẫu phải bảo đảm khách quan, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, phối hợp triển khai việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự) để có hướng dẫn./. *Hypr*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp;
- Các Phó Viện trưởng VKSTC (để thực hiện);
- Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- Các đơn vị thuộc VKSTC (để thực hiện);
- VKSND các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử VKSTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, V13.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Huy Tiến



